

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ 6 tháng đầu năm năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	2,013,121,900,192	3,234,965,734,818	(1,221,843,834,626)	(37.77)
11	Giá vốn hàng bán	1,515,852,038,072	2,289,149,315,506	(773,297,277,434)	(33.78)
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	497,269,862,120	945,816,419,312	(448,546,557,192)	(47.42)
21	Doanh thu tài chính	46,468,129,917	59,080,290,194	(12,612,160,277)	(21.35)
22	Chi phí tài chính	32,875,546,575	44,656,201,707	(11,780,655,132)	(26.38)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>22,165,258,133</i>	<i>14,665,317,311</i>	<i>7,499,940,822</i>	<i>51.14</i>
25	Chi phí bán hàng	53,495,888,198	93,925,662,666	(40,429,774,468)	(43.04)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,694,122,607	24,097,671,129	(1,403,548,522)	(5.82)
31	Thu nhập khác	505,512,489	378,714,207	126,798,282	33.48
32	Chi phí khác	3,174,891,543	242,284,920	2,932,606,623	1,210.40
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	432,003,055,603	842,353,603,291	(410,350,547,688)	(48.71)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	69,002,041,798	139,477,008,036	(70,474,966,238)	(50.53)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	363,001,013,805	702,876,595,255	(339,875,581,450)	(48.35)



II. Nguyên nhân biến động

Vicostone và các doanh nghiệp nói chung đã trải qua những tháng đầu năm 2023 đầy thách thức, hoạt động sản xuất và kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn cầu. Lạm phát vẫn đang ở mức cao, lãi suất tăng, chi tiêu của các hộ gia đình giảm làm cho doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm do sản phẩm của Công ty không phải hàng hóa thiết yếu.

Nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 1,221,843,834,626 đồng (37.77%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 773,297,277,434 đồng (33.78%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 448,546,557,192 đồng (47.42%). Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm từ 29.24% (6 tháng đầu năm 2022) xuống 24.70% (6 tháng đầu năm 2023)

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 12,612,160,277 đồng (21.35%), nguyên nhân:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 3,202,012,612 đồng.

- Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 9,410,147,665 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 11,780,655,132 đồng (26.38%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 19,280,595,954 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng 7,499,940,822 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm 40,429,774,468 đồng (43.04%), nguyên nhân chính:

- Chi phí vận chuyển xếp dỡ, chuyển phát nhanh giảm 37,766,292,256 đồng

- Chi phí đóng hàng giảm 1,908,050,102 đồng

- Chi phí lương nhân viên tăng 499,993,876 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,403,548,522 đồng (5.82%), nguyên nhân chính:

- Chi phí vật liệu, dụng cụ giảm 1,095,499,289 đồng

- Chi phí lương quản lý giảm 441,789,793 đồng

- Dự phòng phải thu khó đòi giảm 3,155,854,096 đồng

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 410,350,547,688 đồng (48.71%), lợi nhuận sau thuế giảm 339,875,581,450 đồng (48.35%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính giảm, chi phí lãi vay tăng.

385
B T
PHÂN
STO
AT -

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

